

Số: 3136 /2015/ QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về phân công, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn; thẩm quyền phê duyệt trình quản lý, vận hành, khai thác các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3832/TTr-SGTVT ngày 29/9/2015, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 140/BC-STP ngày 17/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về phân công, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn; thẩm quyền phê duyệt trình quản lý, vận hành, khai thác các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các chủ đầu tư, chủ quản lý, sử dụng cầu, đơn vị trực

tiếp quản lý, vận hành khai thác công trình đường bộ trên đường giao thông nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh ;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0, V4, NLN1-2, XD4, TM1-3;
 - Lưu VT, GT1.
- QĐ63-15b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tùng

QUY ĐỊNH

Về phân công, phân cấp và trách nhiệm về quản lý, vận hành, khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường giao thông nông thôn; thẩm quyền phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3136/2015/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về phân công, phân cấp, trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác công trình trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là công trình trên đường giao thông nông thôn) và thẩm quyền phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Điều 18 Thông tư 12/2014/TT-BGTVT 29/4/2014 hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn và Điều 18 Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 hướng dẫn quản lý vận hành khai thác đường giao thông nông thôn của Bộ Giao thông vận tải.

b) Các vấn đề khác liên quan đến quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy định tại Thông tư 12/2014/TT-BGTVT.

c) Các vấn đề khác liên quan đến quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn và trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và sử dụng công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy định tại Thông tư 32/2014/TT-BGTVT.

d) Các vấn đề khác liên quan đến công tác bảo trì đường giao thông nông thôn tham khảo Sổ tay bảo dưỡng đường giao thông nông thôn (NXB GTVT ban hành vào năm 2011) và Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác công trình đường bộ trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường giao thông nông thôn bao gồm: Đường trục xã, đường liên xã, đường trục thôn; đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương; đường trục chính nội đồng.
2. Công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn: Bao gồm hầm đường bộ, bến phà đường bộ và đường ngầm trên đường giao thông nông thôn.
3. Công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn: Bao gồm các công trình đường, cầu và các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn.
4. Chủ quản lý sử dụng công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn là cách gọi chung của tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, vận hành khai thác và sử dụng công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn thuộc sở hữu Nhà nước; Chủ sở hữu công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn đối với công trình không thuộc sở hữu Nhà nước; cộng đồng dân cư đối với cầu do cộng đồng đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân, tư nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn.
5. Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành khai thác công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn (sau đây gọi tắt là Đơn vị quản lý công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn) là tổ chức, cá nhân được Chủ quản lý sử dụng công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng thực hiện việc quản lý, vận hành khai thác cầu, bảo dưỡng thường xuyên công trình trên tuyến đường giao thông nông thôn.

CHƯƠNG II:

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Điều 3. Xác định chủ quản lý sử dụng công trình trên đường giao thông nông thôn.

1. Đối với công trình trên đường giao thông nông thôn thuộc sở hữu Nhà nước.
 - a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) là chủ quản lý sử dụng công trình trên đường giao thông nông thôn thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình trên các tuyến đường do mình quản lý theo phân cấp.
 - b) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) là chủ quản lý sử dụng công trình trên đường giao thông nông thôn thực hiện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình trên các tuyến đường do mình quản lý theo phân cấp.

2. Đối với công trình đường bộ thuộc sở hữu của cộng đồng dân cư, sở hữu tư nhân và các trường hợp không thuộc sở hữu Nhà nước, chủ sở hữu công trình là chủ quản lý sử dụng công trình trên đường giao thông nông thôn.

Trường hợp cộng đồng dân cư, tư nhân sau khi đầu tư xây dựng xong không đủ khả năng làm chủ quản lý sử dụng công trình thì cơ quan được phân công, phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ quản lý sử dụng đối với loại công trình nêu trên.

3. Trường hợp công trình trên đường giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng bằng nhiều nguồn vốn và từ sự đóng góp của cộng đồng dân cư, Nhà nước góp vốn hoặc hỗ trợ, tài trợ của tổ chức, cá nhân thì các bên thống nhất lựa chọn chủ quản lý sử dụng công trình.

CHƯƠNG III:

QUY ĐỊNH VỀ PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Điều 4: Công tác lập, duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh.

1. Lập kế hoạch

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình trạng thực tế công trình trên đường giao thông nông thôn, lập kế hoạch bảo trì đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, công tác kiểm tra, kiểm định chất lượng công trình cầu để có dự kiến nhu cầu thực hiện, sửa chữa trong năm tiếp theo. Nội dung kế hoạch bao gồm: Danh mục, hạng mục, khối lượng, dự kiến kinh phí, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, giải pháp sửa chữa (Biểu mẫu lập kế hoạch tại Phụ lục 01)

- Trên cơ sở kế hoạch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành kiểm tra thực tế và bố trí nguồn kinh phí thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch.

2.1. Các hình thức tổ chức thực hiện

- Bảo dưỡng thường xuyên: Là công tác kiểm tra, sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ nhằm phòng ngừa những hư hỏng lớn của bộ phận kết cấu công trình, đồng thời duy trì tuổi thọ của công trình. Công tác bảo dưỡng thường xuyên bao gồm những công việc hàng ngày như: phát cây, cắt cỏ, vét rãnh thoát nước, nắn chỉnh hệ thống an toàn giao thông đảm bảo an toàn cho người và phương tiện qua lại.

- Sửa chữa định kỳ: Là công tác sửa chữa lớn những hạng mục bị xuống cấp theo thời gian hoặc tu sửa những kết cấu công trình có dấu hiệu bị hư hỏng nhằm hạn chế hư hỏng lớn để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện giao thông.

- Sửa chữa đột xuất: Là các sự việc mang tính tình thế bắt buộc phải khắc

phục để đảm bảo giao thông như: sự cố sạt lở do bão lũ, ứ đọng bùn rác, đất đá rơi lở trên taluy dương hoặc dưới taluy âm làm ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc có nguy cơ mất an toàn đối với người và phương tiện tham gia giao thông.

Trình tự thực hiện các công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất tham khảo Sổ tay bảo dưỡng đường giao thông nông thôn.

2.2. Nguồn kinh phí bố trí thực hiện kế hoạch bảo trì

- Kinh phí quản lý, vận hành khai thác, bảo trì đường giao thông nông thôn được bố trí từ ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và nguồn vốn hợp pháp khác.

- Đối với đường giao thông nông thôn thuộc sở hữu của cộng đồng dân cư, sở hữu tư nhân và các trường hợp không thuộc sở hữu nhà nước thì chủ sở hữu tự bố trí kinh phí thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác, bảo trì đường giao thông nông thôn.

2.3 Quản lý kế hoạch bảo trì

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì tại địa phương, đồng thời báo cáo Sở Giao thông vận tải kết quả thực hiện để tổng hợp số liệu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo. Thời gian lập báo cáo vào ngày 22 tháng cuối các quý, biểu mẫu báo cáo Phụ lục 02 và Phụ lục 03 kèm theo qui định này.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác công trình trên đường giao thông nông thôn và thẩm quyền phê duyệt quy trình quản lý vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Hướng dẫn, kiểm tra theo thẩm quyền việc thực hiện các quy định về quản lý, vận hành khai thác công trình trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Thỏa thuận với chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình trên đường giao thông nông thôn về việc thẩm định quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt khi có đề nghị.

c) Rà soát và tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác toàn bộ các công trình trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, danh sách các công trình bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức quản lý, vận hành khai thác hệ thống công trình trên đường giao thông nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Trực tiếp lập (hoặc thuê tư vấn lập) quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn (thuộc thẩm quyền quản lý) đang sử dụng nhưng chưa có quy trình quản lý, vận hành khai thác.

c) Tổ chức thẩm định (lấy ý kiến thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải), phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư và các cơ quan trực thuộc trong việc thực hiện các trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác các công trình đường bộ trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn.

e) Tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác các công trình đường bộ, rà soát danh sách các công trình trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Sở Giao thông vận tải phối hợp kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức quản lý, vận hành khai thác hệ thống công trình trên đường giao thông nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Trực tiếp lập (hoặc thuê tư vấn lập) quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình trên đường giao thông nông thôn (thuộc thẩm quyền quản lý) đang sử dụng nhưng chưa có quy trình quản lý, vận hành khai thác để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định phê duyệt.

c) Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc cộng đồng dân cư trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác công trình thuộc quyền sở hữu của cộng đồng dân cư theo quy định.

d) Phát hiện và ngăn chặn các tổ chức, cá nhân phá hoại công trình trên đường giao thông nông thôn hoặc phá hoại các công trình giao thông khác, xâm phạm hành lang an toàn đường bộ và các hành vi vi phạm các nội dung bị nghiêm cấm trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

e) Tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác các công trình trên đường giao thông nông thôn, rà soát báo cáo danh sách các công trình trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

4. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư sở hữu công trình trên đường giao thông nông thôn (bao gồm cả sở hữu tư nhân và các trường hợp không thuộc sở hữu Nhà nước)

a) Tổ chức quản lý, vận hành khai thác công trình trên đường giao thông nông thôn trên đường giao thông nông thôn do cộng đồng làm chủ quản lý sử dụng công trình.

b) Trực tiếp lập (hoặc thuê tư vấn lập) quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn (thuộc thẩm quyền quản lý) đang sử dụng nhưng chưa có quy trình quản lý, vận hành khai thác để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định phê duyệt.

c) Thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân và cơ quan nhà nước có thẩm quyền các cấp trong quản lý, vận hành khai thác công trình trên đường giao thông nông thôn để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình, phòng chống tai nạn; báo cáo khó khăn vướng mắc trong quá trình quản lý, vận hành khai thác công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã để kịp thời xử lý.

d) Phát hiện và ngăn chặn các tổ chức, cá nhân phá hoại công trình trên đường giao thông nông thôn hoặc phá hoại các công trình giao thông khác, xâm phạm hành lang an toàn đường bộ và các hành vi vi phạm các nội dung bị nghiêm cấm; đồng thời trình báo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công, phân cấp, trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác công trình trên đường giao thông nông thôn và thẩm quyền phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình trên đường giao thông nông thôn tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác công trình theo phân cấp.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương, các chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình trên đường giao thông nông thôn trên toàn tỉnh trong việc tổ chức quản lý, vận hành khai thác cầu; theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức bộ phận quản lý, vận hành khai thác công trình trên đường giao thông nông thôn; hướng dẫn các xã, phường, thị trấn và chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn.

Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này; các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời điều chỉnh, bổ sung. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tùng